



## DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG  
ngày tháng 06 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng  
quốc gia/of BoA Director))

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm**

Laboratory: **Testing laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng**

Organization: **Hai Phong No2 Water Business Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1277**

Chuẩn mực công nhận  
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Vũ Thị Thu Thủy**

Laboratory manager: **Vu Thi Thu Thuy**

Hiệu lực công nhận  
Period of Validation: **Từ ngày/ from /06/2026 đến ngày/ to /06/2031**

Địa chỉ: **Tổ dân phố 3 Do Nha, phường An Dương, TP. Hải Phòng**

Address: **Residential area 3, Do Nha, An Duong ward, Hai Phong city**

Địa điểm:  
Location: **Tổ dân phố 3 Do Nha, phường An Dương, TP. Hải Phòng**  
**Residential area 3, Do Nha, An Duong ward, Hai Phong city**

Điện thoại/ Tel: **02253.871589**

Email: **capnuochaiphong2@gmail.com**

Website: **www.nuocsach2hp.com.vn**

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1277**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa**

*Field of testing: Chemical*

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested</b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests</b>	<b>Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement</b>	<b>Phương pháp thử/ Test method</b>
1.	<b>Nước sạch Domestic water</b>	Xác định độ đục <i>Determination of Turbidity</i>	1 NTU	SMEWW 2130B:2023
2.		Xác định màu sắc Phương pháp C <i>Determination of Colour C method</i>	5,0 mg Pt-Co/L	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011)
3.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
4.		Xác định tổng số canxi và magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of sum of calcium and magnesium EDTA titrimetric method</i>	12,0 mg CaCO <sub>3</sub> /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)
5.		Xác định hàm lượng Clorua Chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (Phương pháp Mo) <i>Determination of Chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	5,0 mg/L	TCVN 6194:1996 (ISO 9297:1989)
6.		Xác định chỉ số Pemanganat <i>Determination of Permanganate index</i>	0,5 mg/L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)
7.		Xác định hàm lượng sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin <i>Determination of Iron content Spectrophotometric method using 1,10-phenantroline</i>	0,04 mg/L	SMEWW 3500.Fe.B:2023
8.		Xác định hàm lượng mangan Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Manganese content UV-Vis method</i>	0,03 mg/L	TCVN 6002:1995 (ISO 6333:1986)

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1277**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested</b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests</b>	<b>Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement</b>	<b>Phương pháp thử/ Test method</b>
9.	<b>Nước sạch Domestic water</b>	Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp so màu dùng thuốc thử của Hach sử dụng máy DR 6000 <i>Determination of Manganese content UV-Vis method by Hach using DR 6000</i>	0,02 mg/L	HACH Method 8149 : 2024
10.		Xác định hàm lượng Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) <i>Determination of Nitrate content</i>	0,1 mg/L	TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1988 E)
11.		Xác định hàm lượng Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ) <i>Determination of Nitrite content</i>	0,01 mg/L	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)
12.		Xác định hàm lượng Sunphat <i>Determination of Sulfate content</i>	6,0 mg/L	SMEWW 4500.SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> .E:2017
13.		Xác định mùi vị <i>Odor and taste test</i>		L.GC-M01:2019 (Ref. SMEWW 2150: 2023, SMEWW 2160: 2023)
14.		Xác định hàm lượng Clo dư tự do (Cl <sub>2</sub> ) Phương pháp so màu sử dụng DPD trên máy HACH DR 6000 <i>Determination of free Chlorine content DPD Colorimetric method using HACH DR 6000</i>	0,2 mg/L	HACH Method 8021: 2014

**Ghi chú/ Note:**

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/ *Vietnamese Standards*
- SMEWW: Các phương pháp chuẩn phân tích nước và nước thải của Hoa Kỳ/ *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- HACH: Phương pháp nhà sản xuất/ *Method issued by Manufacturer*
- L.GC-M01: Phương pháp thử do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*
- Ref. Phương pháp tham khảo/ *reference method*

Trường hợp Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hai Phong No2 Water Business Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

